

Bản án số: **112/2021/HS-ST**
Ngày 02 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lân.

Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

N.T.P (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 30/7/1993 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: đường LH, phường TH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ chụp ảnh; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.T.S, sinh năm 1954 và bà T.T.H, sinh năm 1957; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 10/12/2008 bị Công an phường Thuận Hòa, thành phố Huế xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản với hình thức Cảnh cáo (Quyết định số 19275-QĐ/XPVPHC);

- Ngày 21/11/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 04 tháng 06 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 244/2016/HSST);

- Ngày 11/6/2018 bị Phòng PC47 Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy với số tiền 1.500.000 đồng (Quyết định số 12503/QĐ-XPVPHC);

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2020 cho đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà H.T.C, sinh năm 1982; nơi cư trú: Đường T, phường XP, thành phố H; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Chị H.T.D.Q, sinh năm 2001; nơi cư trú: Đường TT, phường TL, thành phố H; vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

+ Ông L.Q.D; nơi cư trú: Khu tái định cư LĐ, phường Đ, thành phố H; vắng mặt.

+ Ông P.T; nơi cư trú: Đường X, phường Đ, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 14/12/2020, N.T.P cùng với bạn gái là H.T.D.Q ngồi ăn uống ở quán K trên đường S, phường C, thành phố H. Khoảng 21 giờ cùng ngày, P đi ra ngoài dùng điện thoại của mình liên lạc với một đối tượng tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua ma túy để sử dụng thì T nói chỉ bán ma túy với số tiền từ 10.000.000 đồng trở lên, P đồng ý mua nên T hẹn P khoảng 22 giờ 30 phút đến khu vực phía trước nhà nghỉ K đường P, thành phố H để nhận ma túy. Sau khi liên lạc hỏi mua ma túy xong, P quay lại bàn tiếp tục ngồi nhậu với chị Q (P không nói lại cho chị Q biết việc liên lạc mua ma túy).

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, N.T.P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 75F1-..... chở chị Q về. Khi đến đoạn đường P, phường N, thành phố H, P dừng xe và nói chị Q đứng chờ, còn P đi bộ đến khu vực trước công viên đường P nhưng không gặp được T mà gặp một thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch), người này nói là người của T đến giao hàng. Do đó, P đưa cho người thanh niên này số tiền 10.000.000 đồng và người này đã chỉ cho P biết số ma túy đang được giấu trong khẩu trang để ở lề đường P. P đi đến lấy số ma túy giấu trong túi quần bên phải rồi quay lại tiếp tục điều khiển xe mô tô chở chị Q đi về. Khi đến đoạn bờ sông (trước số nhà 79) đường X, phường Đ, thành phố H thì bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và Công an phường Đ, thành phố Huế phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng tang vật.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 02 gói ni long màu trắng bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng;

- 01 gói ni long bên trong chứa 30 viên nén màu xám;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 358370062011718 có chứa thẻ

sim điện thoại số 0799196686;

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển kiểm soát 75F1-.....

Tại Bản kết luận giám định số 728/GĐ ngày 17/12/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

“- 29 (hai mươi chín) viên nén đều có màu xám gửi giám định (nêu tại mục 1.1, phần II) có tổng khối lượng 12,3503g (Mười hai phẩy ba năm không ba gam) là ma túy, loại MDMA;

- 01 (một) viên nén màu xám gửi giám định (nêu tại mục 1.1, phần II) có khối lượng 0,4532g (Không phẩy bốn năm ba hai gam) là ma túy, loại MDMA;

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng gửi giám định (nêu tại mục 1.2, phần II) có tổng khối lượng 19,7715g (Mười chín phẩy bảy bảy một năm gam) là ma túy, loại Ketamine”.

Sau khi giám định, cơ quan giám định đã hoàn lại đối tượng giám định gồm:

- 12,0503g (Mười hai phẩy không năm không ba gam) mẫu bột được nghiền từ 29 viên nén đều có màu xám (nêu tại mục 1.1, phần II);

- 0,1532g (Không phẩy một năm ba hai gam) mẫu bột được nghiền từ 01 viên nén màu xám (nêu tại mục 1.1, phần II);

- 19,4715g (Mười chín phẩy bốn bảy một năm gam) tinh thể rắn màu trắng (tại mục 1.2, phần II).

- Các vật liệu dùng để bao gói niêm phong khi gửi giám định.

Như vậy, tổng khối lượng chất ma túy mà N.T.P tàng trữ gồm: 12,3503g + 0,4532g = 12,8035 gam ma túy loại MDMA và 19,7715 gam ma túy loại Ketamine.

Do N.T.P tàng trữ trái phép 02 chất ma túy được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự, nên việc tính tổng khối lượng để xác định khung hình phạt theo hướng dẫn tại Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 được tính như sau:

Tỷ lệ 12,8035g (Mười hai phẩy tám không ba năm gam) ma túy, loại MDMA so với mức tối thiểu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật hình sự là $(12,8035 \text{ gam} : 30) \times 100\% = 42,67\%$.

Tỷ lệ 19,7715 g (Mười chín phẩy bảy bảy một năm gam) ma túy, loại Ketamine so với mức tối thiểu quy định tại điểm e khoản 3 Điều 249 của Bộ luật hình sự là $(19,7715 \text{ gam} : 100) \times 100\% = 19,77\%$.

Tổng tỷ lệ phần trăm của 02 (hai) chất ma túy nêu trên là $42,67\% + 19,77\% = 62,44\%$, dưới 100% nên hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của N.T.P phạm vào điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Đối với H.T.D.Q đi cùng với P nhưng Q không biết việc P mua ma túy rồi cất giấu tàng trữ trong người nên không có căn cứ để xử lý Q về vai trò đồng phạm với N.T.P trong vụ án. Tuy nhiên, tại thời điểm bắt quả tang N.T.P, qua kiểm tra phát hiện Q dương tính với chất ma túy nên Công an thành phố Huế đã quyết định xử

phạt vi phạm hành chính đối với H.T.D.Q số tiền 750.000 đồng.

Đối với đối tượng tên T và người thanh niên bán ma túy cho N.T.P: Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch và địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở để xử lý.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển kiểm soát 75F1-..... là của bà H.T.C (mẹ của H.T.D.Q). Q mượn xe này của bà C để đi chơi rồi giao xe cho P điều khiển chở về nhà; sau đó P sử dụng vào việc nhận và tàng trữ ma túy thì chị Q không biết nên ngày 21/01/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô này cho bà H.T.C.

- Đối với số ma túy còn lại sau khi giám định và 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 358370062011718 có chứa thẻ sim điện thoại số 0799196686 của N.T.P đang được tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 194/CT-VKS-HS ngày 22/4/2021, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố N.T.P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N.T.P từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 12,2035g (Mười hai phẩy hai không ba năm gam) mẫu bột được nghiền từ 30 viên nén đều có màu xám là ma túy loại MDMA; 19,4715g (Mười chín phẩy bốn bảy một năm gam) tinh thể rắn màu trắng ma túy loại Ketamine và các vật liệu dùng để bao gói niêm phong khi gửi giám định.

Tịch thu sung công 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 358370062011718 có chứa thẻ sim điện thoại số 0799196686.

Tại phiên tòa, bị cáo N.T.P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo N.T.P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ 50 phút ngày 14/12/2020, N.T.P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 75F1-625.01 chở chị H.T.D.Q đi trên đường X, phường Đ, thành phố H, khi đến đoạn bờ sông (đối diện số nhà 79) thì bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và Công an phường Đ, thành phố Huế phối hợp kiểm tra bắt quả tang N.T.P đang tàng trữ trái phép 12,8035 gam ma túy loại MDMA và 19,7715 gam ma túy loại Ketamine trong túi quần bên phải của mình. Hành vi của bị cáo N.T.P tàng trữ trái phép 02 chất ma túy được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự, nên việc tính tổng khối lượng để xác định khung hình phạt theo hướng dẫn tại Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 như sau:

Tỷ lệ 12,8035g (Mười hai phẩy tám không ba năm gam) ma túy, loại MDMA so với mức tối thiểu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật hình sự là $(12,8035 \text{ gam} : 30) \times 100\% = 42,67\%$.

Tỷ lệ 19,7715 g (Mười chín phẩy bảy bảy một năm gam) ma túy, loại Ketamine so với mức tối thiểu quy định tại điểm e khoản 3 Điều 249 của Bộ luật hình sự là $(19,7715 \text{ gam} : 100) \times 100\% = 19,77\%$.

Tổng tỷ lệ phần trăm của 02 (hai) chất ma túy nêu trên là $42,67\% + 19,77\% = 62,44\%$, dưới 100% nên hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo N.T.P phạm vào điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Do đó, việc Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo N.T.P về tội danh, điểm, khoản và điều luật tại bản cáo trạng số 194/CT-VKS-HS ngày 22/4/2021 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo N.T.P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được ma túy là chất gây nguy hại đến sức khỏe, tinh thần và ảnh hưởng nghiêm trọng đến nòi giống của con người và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và loại tội phạm khác. Tuy nhiên, chỉ vì để thỏa mãn việc chơi bời, ham muốn của bản thân, bị cáo vẫn cố tình tàng trữ để sử dụng. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, không chỉ trực tiếp xâm phạm nghiêm trọng đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng một mức hình phạt đủ nghiêm khắc nhằm để trừng trị, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thì thấy: Mặc dù bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu; bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm

nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét việc tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là để sử dụng và không có thu lợi gì nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với H.T.D.Q cùng đi với bị cáo N.T.P nhưng Q không biết việc P mua ma túy rồi cất giấu tàng trữ trong người nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế không xử lý hình sự đối với Q về vai trò đồng phạm với bị cáo P trong vụ án là có cơ sở. Tuy nhiên, do Q dương tính với chất ma túy nên Công an thành phố Huế quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H.T.D.Q số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy: 12,2035g (Mười hai phẩy hai không ba năm gam) mẫu bột được nghiền từ 30 viên nén đều có màu xám là ma túy loại MDMA; 19,4715g (Mười chín phẩy bốn bảy một năm gam) tinh thể rắn màu trắng là ma túy loại Ketamine và các vật liệu dùng để bao gói niêm phong khi gửi giám định.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 358370062011718 có chứa thẻ sim điện thoại số 0799196686 của bị cáo N.T.P. Đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội (liên lạc để mua ma túy) nên cần tịch thu sung công Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo N.T.P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo N.T.P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo N.T.P 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 14/12/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 12,2035g (Mười hai phẩy hai không ba năm gam) mẫu bột được nghiền từ 30 viên nén đều có màu xám là ma túy loại MDMA; 19,4715g (Mười chín phẩy bốn bảy một năm gam) tinh thể rắn màu trắng là ma túy loại Ketamine được gói niêm phong bằng giấy trắng và băng keo trong, bên ngoài có 02 chữ ký của điều tra viên Trương Thanh Minh, 02 chữ ký của giám định viên Trần Nam, 02 dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và

dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ N.T.P, bắt ngày 14/12/2020”.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 358370062011718 có gắn thẻ sim điện thoại số 0799196686 của bị cáo N.T.P.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Về án phí:

Buộc bị cáo N.T.P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT – Huế (Phòng KTNV&THA);
- Phòng PV06 Công an tỉnh TT – Huế;
- Sở Tư pháp;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H (Phòng THAHS&HTTP);
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSPA, Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Nam